TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Thạch; bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 505/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh L trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau đã hơn 8 năm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người

nào chỉ biết bổn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng; nay sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 19-12-2010. Hiện tại con chung đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, anh L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị X là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, anh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X, anh L.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị X đối với anh Võ Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 19-12-2010 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều

227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị X:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X, anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Tân Châu năm 2012, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị X, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị X trình bày vào năm 2010, chị tự nguyện sống vợ chồng với anh L, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn; tại biên bản lấy lời khai con chung cháu Nguyễn Trọng T khai: "*cha con thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập mẹ con, cha mẹ thường xuyên cãi nhau*" (bút lục số 19); mặt khác, chị X và anh L hiện tại đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị X và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị X có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh L có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 19-12-2010. Hiện tại con chung đang sống cùng với chị X. Tại biên bản lấy lời khai con chung (bút lục số 19), cháu T có nguyện vọng được sống chung cùng với chị X. Mặt khác, chị X và anh L sống ly thân đã lâu nên giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X. Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Võ Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 19-12-2010 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006868 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho Võ Văn L và chị Nguyễn Thị X biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Hà;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn